

CÔNG THƯƠNG

TẠP CHÍ - CƠ QUAN THÔNG TIN LÝ LUẬN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG ISSN: 0866-7756

VIET NAM TRADE AND INDUSTRY REVIEW

CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

SỐ 9 - THÁNG 8/2017



8 934602 001078

Website: <http://tapchicongthuong.vn>

MỤC LỤC

CONTENTS

ISSN: 0866-7756 **Số 9** - Tháng 8/2017

LUẬT

NGUYỄN VĂN VIỆT

Biện pháp cần phòng vệ thương mại của Hiệp định ACFTA
Safeguard measures of the ACFTA Agreement9

LƯU BÌNH DƯƠNG

Địa vị pháp lý của công an xã trong tham gia giải quyết vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam,
đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường
The legal status of the commune security in the participation of the decision-problem solving under the legal
acts of Vietnam, meeting the requirements for developing the economic market economy14

HUỲNH TẤN ĐẠT

Một số kiến nghị về tình hình phòng ngừa tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện
ở Thành phố Hồ Chí Minh
Some recommendations on the prevention of juvenile delinquency in Ho Chi Minh City20

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN - ĐỖ QUÍ HOÀNG

Quyền bảo lưu và một số tuyên bố đơn phương của quốc gia khi tham gia điều ước quốc tế
Reservations and unilateral declarations of the country participating in international treaties28

BÙI KIM HIẾU - LƯƠNG THỊ THU HÀ

Thực tiễn áp dụng pháp luật về công nhận sự thỏa thuận của các đương sự
trong tố tụng dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015
Practical application of law on recognizing the agreement of the conventions
of civil action under the civil law procedure of 201533

ĐỖ THỊ HỒNG HẠNH

Giải quyết các tranh chấp về hợp đồng tín dụng
Settle disputes over credit contracts40

ĐÀO ĐĂNG KIÊN

Áp dụng hợp đồng hành chính trong quản lý Nhà nước
Applying administrative contracts in state management46

ĐẶNG CÔNG HIẾN

Một số đánh giá về pháp luật an toàn thực phẩm trong hoạt động thương mại của Việt Nam
Reviews on food safety legislation in Vietnam's trade52

NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG

Góp ý một số vấn đề trong dự thảo Luật Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện
Recommendation on draft law about application of provisional measures before lawsuit59

LÊ VŨ HUY

Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong Bộ luật Hình sự năm 2015
Extenuating and Aggravating criminal liability circumstances applicable for offender in the Penal Code in 201565

NGUYỄN VĂN VI

Vận dụng phương pháp xử lý tình huống vào giảng dạy pháp luật ở Trường Đại học Trần Đại Nghĩa
Applying case handling method to legal teaching at the Tran Dai Nghia University70

ĐOÃN HỒNG NHUNG - NGUYỄN THU THẢO

Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất qua thực tiễn tại Thành phố Thái Bình
Improving the effectiveness of law enforcement on compensation when the state recovers land in Thai Binh City76

NGUYỄN BÁ THUẬN

Bàn về khái niệm mua bán nhà ở xã hội
Discussing the concept of social housing81

KINH TẾ**NGUYỄN THỊ DƯƠNG NGA**

Giải pháp huy động nguồn lực xã hội đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh Hòa Bình
Solutions to mobilize social resources to foster the implementation of new rural program in Hoa Binh province.....86

NGUYEN TIEN HOANG

Exporting Vietnamese textiles and clothing to ASEAN market in the context of AEC
Xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam sang thị trường ASEAN trong bối cảnh hội nhập AEC91

PHAN THỊ CẨM GIANG

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở một số tỉnh, thành phố và bài học đối với các tỉnh miền Tây Nam Bộ
Restructuring the sectoral economy
in some provinces and cities and study the situation in the Southwestern provinces.....98

NGÔ VĂN THIÊN

Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội đảo Phú Quốc
Analyzing the factors affecting the attraction of investment capital
for socio-economic development of Phu Quoc island103

KHƯƠNG THANH PHONG

Phân tích kết quả Chương trình bình ổn giá, kiềm chế lạm phát ở Thành phố Hồ Chí Minh
Analyzing the results of the Price Stabilization and Inflation Control Program in Ho Chi Minh City109

TRẦN THỊ THU HÀ - NGUYỄN VĂN HẢI

Đánh giá thực trạng tạo việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
Employment Creation for Rural Labors in Binh Luc District, Ha Nam province.....115

NGUYỄN THÀNH HIẾU - NGUYỄN NGỌC TRUNG - NGUYỄN THỊ NGA

Nâng cao hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng thủy sản tỉnh Bến Tre giai đoạn 2012 - 2017
Improving the performance of fisheries supply chain in Ben Tre province in the period of 2012 – 2017121

HOÀNG QUỐC VIỆT - PHAN THỊ THÁI

Thực trạng và tác động của hoạt động khoáng sản đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An
Situation and impact of mineral activities on socio-economic and environmental development in Nghe An province128

NGUYỄN HUY HOÀNG

Giải pháp phát triển chiến lược marketing địa phương nhằm thu hút đầu tư lấp đầy các khu công nghiệp tại tỉnh Hà Tĩnh
Solutions to develop local marketing strategies to attract investment for industrial zones in Ha Tinh province134

TRẦN NGỌC HẢI

Thực trạng và giải pháp tái cơ cấu đầu tư phát triển ngành sản xuất công nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam
Situation and solutions: Restructuring the investment in the development of the industrial production sector to promote the Vietnamese export goods139

DƯƠNG QUỲNH NGA - NGUYỄN PHAN HẠNH NGUYÊN - CAO MINH TRÍ

Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến bất bình đẳng thu nhập
The effect of FDI on income inequality.....145

NGUYỄN QUANG PHỤC - LÊ QUANG VĨNH

Giải pháp phát triển dịch vụ Logistics đối với khâu thu gom và vận chuyển tiêu thụ hàng hóa nông sản chủ lực của tỉnh Quảng Trị
Solutions to develop logistics services for the collection and transportation of agricultural products of Quang Tri province.....151

ĐẶNG THỊ HUYỀN ANH

Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU: Thực trạng và giải pháp
Vietnamese agricultural products export to the EU: Situation and solutions.....158

NGUYỄN THỊ THANH NHÀN

Phân cấp quản lý ngân sách địa phương: Nghiên cứu tại Thành phố Hải Phòng
The decentralization of local budget management: A study in Haiphong City165

QUẢN TRỊ - QUẢN LÝ

TRẦN THANH MAI

Đề xuất, dự báo một số xu hướng phát triển của bưu chính trong tương lai
Proposing and forecasting some future trends of postal development.....172

TRỊNH MINH TÂM - TRẦN HẬU NGỌC - ĐỖ SƠN TÙNG

Đánh giá năng lực tiếp thu công nghệ theo phương pháp luận Atlas công nghệ và gợi ý cho Việt Nam
Evaluate the technology acquisition capability of the technology Atlas methodology and suggestions for Vietnam177

NGUYỄN PHÙNG QUÂN

Giải quyết việc làm cho lao động dân tộc thiểu số tại địa bàn cư trú
Solving employment for ethnic minority workers in the area of residence182

BÙI THỊ QUỲNH THƠ

Một số kỹ năng giám sát hiệu quả việc chấp hành ngân sách nhà nước
Effective supervising skills for the state budget implementation188

NGUYỄN THỊ THÚY

Phân tích thực trạng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của người lao động tự do
Analyzing the status of voluntary social insurance of freelancer.....193

NGUYỄN THANH TUẤN

Một số khuyến nghị cho quản lý môi trường trong hạn chế thiệt hại do úng ngập cục bộ tại các đô thị
Some recommendations for environmental management in limiting damage caused by local flooding in urban areas.....197

NGUYỄN THỊ KIM ÁNH

Giải pháp tạo động lực cho người lao động tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng dựa trên tháp nhu cầu của Maslow
Motivation solutions for workers in small and medium enterprises in Da Nang City based on Maslow's hierarchy of needs.....202

NGUYỄN TỔ TÂM - TRẦN LÊ HUY

Các nhân tố tác động đến công tác quản lý tài chính tại doanh nghiệp vừa và nhỏ trong xây dựng
Factors affecting financial management in small and medium enterprises in construction.....208

HUYỀN THANH NHẢ

Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp FDI về môi trường đầu tư tại tỉnh Tiền Giang
Factors affecting the satisfaction of foreign direct investment enterprise about investment environment in Tien Giang province214

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ LOGISTICS ĐỐI VỚI KHÂU THU GOM VÀ VẬN CHUYỂN TIÊU THỤ HÀNG HÓA NÔNG SẢN CHỦ LỰC CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ

● NGUYỄN QUANG PHỤC - LÊ QUANG VĨNH

TÓM TẮT:

Mục đích của nghiên cứu này là đề xuất các giải pháp phát triển các dịch vụ Logistics liên quan đến khâu thu gom và vận chuyển tiêu thụ hàng hóa chủ lực của tỉnh Quảng Trị. Kết quả phân tích cho thấy có 4 loại dịch vụ Logistics liên quan đến thu gom và vận chuyển tiêu thụ các hàng hóa chủ lực, đó là thu gom, vận tải, hải quan và bốc xếp. Tuy nhiên, 4 dịch vụ Logistics này đang gặp những khó khăn, như: vùng nguyên liệu manh mún và phân tán, cơ sở hạ tầng yếu kém, thủ tục hải quan rườm rà và năng lực bốc xếp hàng hóa còn hạn chế. Nhiều giải pháp đã được đề xuất, nhưng việc sớm ban hành khung pháp lý để phát triển Logistics, rà soát quy hoạch các vùng nguyên liệu, tăng cường xã hội hóa trong đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn là những giải pháp cần được ưu tiên.

Từ khóa: Logistics, thu gom, vận chuyển, tiêu thụ, hàng hóa nông sản, tỉnh Quảng Trị.

1. Đặt vấn đề

Với lợi thế địa hình đồi núi và trung du đồng thời là địa phương nằm trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây [2], tỉnh Quảng Trị đang tập trung phát triển 5 sản phẩm chủ lực như sắn, cà phê, cao su, gỗ rừng trồng và hồ tiêu để tạo thành những vùng sản xuất hàng hóa tập trung, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Việc quy hoạch phát triển những vùng nguyên liệu trong thời gian qua đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Theo số liệu thống kê năm 2015, giá trị xuất khẩu của các sản phẩm chủ lực trên chiếm 63,4% tổng giá trị xuất khẩu của ngành Nông nghiệp và chiếm 52,2% tổng giá trị xuất khẩu của tỉnh Quảng Trị [1]. Việc

chuyển đổi hình thức sản xuất từ nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa cũng góp phần giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người nông dân.

Tuy nhiên, quá trình phát triển các vùng nguyên liệu đang gặp nhiều khó khăn và thách thức đó là: Thường xuyên chịu tác động của thiên tai và dịch bệnh, sự yếu kém về kết cấu hạ tầng ở các vùng sản xuất tập trung và những hạn chế trong phát triển các dịch vụ Logistics [3]. Trong đó, những hạn chế về phát triển các dịch vụ Logistics đối với khâu thu gom và vận chuyển tiêu thụ đang ảnh hưởng tiêu cực đến những nỗ lực của địa phương trong việc nâng cao chuỗi giá trị hàng hóa và đẩy mạnh quá trình tiêu thụ.

Trên cơ sở đánh giá năng lực và kết quả thu

gom, vận chuyển tiêu thụ hàng hóa của 65 doanh nghiệp, nghiên cứu này tập trung phân tích chuỗi cung ứng và nhận diện những tồn tại trong phát triển các dịch vụ Logistics; để từ đó đề xuất các giải pháp phát triển các dịch vụ Logistics liên quan đến khâu thu gom và vận chuyển tiêu thụ các hàng hóa chủ lực của tỉnh Quảng Trị trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này dựa vào hai nguồn số liệu để phân tích: (1) Số liệu thứ cấp: được thu thập từ niên giám thống kê hàng năm và các văn bản pháp quy của tỉnh Quảng Trị. (2) Số liệu sơ cấp: theo số liệu thống kê, toàn tỉnh Quảng Trị có 88 doanh nghiệp tham gia thu gom và vận chuyển tiêu thụ 5 sản phẩm chủ lực như đã đề cập. Tuy nhiên, vì hạn chế về thời gian và kinh phí nên chúng tôi chỉ tiến hành khảo sát 65 doanh nghiệp.

Số liệu điều tra đã được mã hóa và phân tích trên phần mềm SPSS 19.0. Hai phương pháp chính đã được sử dụng để phân tích số liệu, bao gồm: (1) Phương pháp thống kê mô tả; và (2) Phương pháp so sánh.

Bảng 1. Phân bố mẫu khảo sát theo hàng hóa chủ lực

Sản phẩm	Tổng số DN	Số doanh nghiệp khảo sát	
		Số lượng (DN)	Cơ cấu (%)
1. Gỗ rừng trồng	49	44	67,7
2. Cao su	15	10	15,4
3. Sản	3	3	4,6
4. Cà phê	18	5	7,7
5. Tiêu	3	3	4,6
Tổng cộng	88	65	100

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát năm 2016)

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Đặc điểm cơ bản của các doanh nghiệp khảo sát

- Về cơ cấu và số lượng doanh nghiệp khảo sát, Bảng 1 cho thấy các doanh nghiệp tham gia thu gom và vận chuyển tiêu thụ sản phẩm gỗ rừng trồng (gọi tắt là doanh nghiệp gỗ) chiếm tỷ trọng cao nhất (67,7%); tiếp đến là doanh nghiệp cao su (15,4%) và doanh nghiệp cà phê (7,7%) và sau cùng là doanh nghiệp sản và tiêu (4,6%). Số lượng doanh nghiệp điều tra phân bố khá đồng đều giữa

các huyện/thị xã, bình quân có 7 doanh nghiệp được khảo sát trên một địa phương.

- Xét về loại hình doanh nghiệp, số liệu khảo sát cho chúng ta thấy: Loại hình công ty TNHH chiếm tỷ trọng cao nhất (47,7%), công ty cổ phần chiếm 23,1%, doanh nghiệp tư nhân chiếm 21,5%, loại hình hợp tác xã chiếm 6,2% và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng thấp nhất chỉ 1,5%.

- Về lao động, bình quân chung mỗi doanh nghiệp có 51 lao động. Doanh nghiệp thu gom và vận chuyển sản có quy mô lao động lớn nhất (152,6 lao động/DN), tiếp đến là doanh nghiệp cao su (105,3 lao động/DN) và doanh nghiệp tiêu có số lao động nhỏ nhất (15,3 lao động/DN). Nếu dựa vào tiêu chí phân loại doanh nghiệp của Chính phủ (Nghị Định 56/2009) thì hầu hết các doanh nghiệp khảo sát là doanh nghiệp nhỏ.

- Tuổi đời của giám đốc các doanh nghiệp khá trẻ, hơn 15,2% số giám đốc là dưới 36 tuổi, 50,8% số giám đốc có độ tuổi giao động từ 36 đến dưới 50 tuổi. Số giám đốc có trình độ cao đẳng và đại học chiếm tỷ trọng rất cao (47,7%), tiếp đến là trung học phổ thông (38,5%) và sau cùng là trình độ sau đại học chiếm 6,2%. Chuyên ngành đào tạo chủ yếu là kinh tế, quản trị kinh doanh, bảo quản chế biến, trồng trọt và kỹ thuật nông nghiệp. (Xem Bảng 2)

- Về quy mô vốn của doanh nghiệp, Biểu đồ 1 cho thấy, 67,6% doanh nghiệp tại Quảng Trị là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, có quy mô vốn điều lệ dưới 20 tỷ đồng. Chỉ có 01 doanh nghiệp có quy mô vốn điều lệ trên 100 tỷ đồng đó là Công ty TNHH MTV cao su Quảng Trị. Nếu so sánh quy mô vốn giữa các doanh nghiệp, chúng ta thấy các doanh nghiệp gỗ, cao su, cà phê và tiêu có quy mô vốn dưới 5 tỷ đồng chiếm tỷ trọng lớn (45 đến 70%); trong khi đó, gần 70% doanh nghiệp sản có quy mô vốn từ 50 đến dưới 100 tỷ đồng. (Xem Biểu đồ 1)

3.2. Kết quả thu gom và vận chuyển tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp

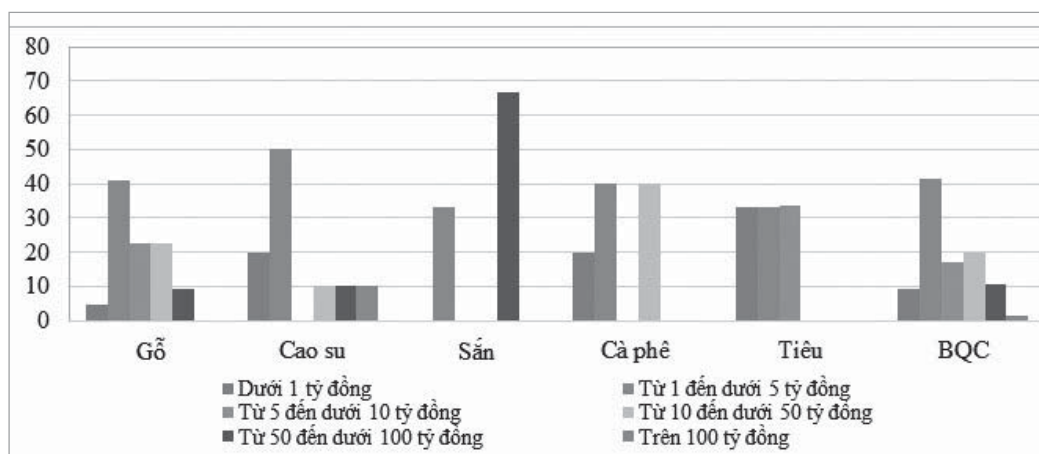
Thu gom được hiểu là một hoặc nhiều hoạt động như thu mua sản phẩm từ hộ sản xuất, phân loại, đóng gói, lưu kho và lưu bãi tạm thời tại địa điểm thu gom hoặc khu vực tập kết nguyên của doanh nghiệp. Vận chuyển tiêu thụ được hiểu là quá trình doanh nghiệp tổ chức chuyên chở sản phẩm hàng hóa sau khi thu gom từ nơi sản xuất hoặc (và) sau khi chế biến đến nơi tiêu thụ. (Xem Bảng 3)

Bảng 2. Tuổi đời và trình độ học vấn của giám đốc doanh nghiệp (%)

Chỉ tiêu	Tổng	Gỗ	Cao su	Sắn	Cà phê	Tiêu
1. Độ tuổi						
- Dưới 25	1,5	2,3	0	0	0	0
- Từ 26 đến 35	13,8	15,9	10	0	20	0
- Từ 36 đến 50	50,8	56,8	20	66,7	60	33,7
- Trên 50	33,8	25	70	33,3	20	66,7
2. Trình độ học vấn						
- Phổ thông cơ sở	7,7	4,5	20	0	0	33,3
- Phổ thông trung học	38,5	45,5	30	0	40	0
- Cao đẳng/đại học	47,7	43,2	50	66,7	60	66,7
- Sau đại học	6,2	6,6	0	33,3	0	0

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát năm 2016)

Biểu đồ 1: Quy mô vốn điều lệ của các doanh nghiệp



Bảng 3. Giá trị thu gom và vận chuyển tiêu thụ năm 2015 của doanh nghiệp

EVT: Tr.đồng/doanh nghiệp

Sản phẩm	Thu gom	Vận chuyển tiêu thụ		
		Tổng	Nguyên liệu thô (%)	Thành phẩm (%)
1. Gỗ	12.931	23.621	13,9	86,1
2. Cao su	28.249	33.820	1	99
3. Sắn	149.528	270.165	0	100
4. Cà phê	2.260	1.950	17	83
5. Tiêu	56.000	56.000	100	0
BQC	20.606	33.662	10	90

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát năm 2016)

Bảng 3 cho chúng ta thấy, giá trị thu gom bình quân một doanh nghiệp năm 2015 là 20,6 tỷ đồng. Doanh nghiệp thu gom sắn nguyên liệu có giá trị thu gom cao nhất (149,5 tỷ đồng/DN), tiếp đến là doanh nghiệp thu gom tiêu (56 tỷ đồng/DN) và thấp nhất là doanh nghiệp thu gom cà phê (chỉ đạt 2,2 tỷ đồng/DN). Giá trị vận chuyển tiêu thụ hàng hóa bình quân một doanh nghiệp là 33,6 tỷ đồng, trong đó 90% là giá trị thành phẩm. Sự khác biệt về chỉ tiêu này giữa các doanh nghiệp là không đáng kể. Đây là một xu hướng tích cực trong việc

nâng cao giá trị sản phẩm - tiêu thụ hàng hóa dưới dạng thành phẩm của các doanh nghiệp. Về thị trường xuất khẩu, số liệu khảo sát cho thấy các doanh nghiệp gỗ xuất khẩu khoảng 35% sản phẩm sang thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Đông, Trung Quốc và Ấn Độ. Doanh nghiệp cao su xuất khẩu hơn 40% sản phẩm của mình sang thị trường Trung Quốc, Ấn Độ và Malaysia. Đặc biệt, có đến 85% sản phẩm của các doanh nghiệp sản được xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

3.3. Chuỗi cung và dịch vụ Logistics liên quan đến khâu thu gom và vận chuyển tiêu thụ hàng hóa chủ lực

Dịch vụ Logistics là một chuỗi các hoạt động nhằm tối ưu hóa mọi công việc, mọi thao tác từ khâu cung ứng, sản xuất, phân phối và tiêu dùng. Nếu chúng ta cho rằng từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ (nội địa hoặc xuất khẩu) các sản phẩm chủ lực của tỉnh Quảng Trị là một chuỗi cung ứng liên hoàn, thì trong quá trình này đã hình thành các dịch vụ Logistics phát sinh trên chuỗi.

Sơ đồ 1 cho thấy có 4 loại dịch vụ Logistics liên quan đến thu gom và vận chuyển tiêu thụ các sản phẩm chủ lực: dịch vụ thu gom, dịch vụ vận tải, dịch vụ hải quan và dịch vụ bốc xếp hàng hoá. Nếu xét về vị trí địa lý, hầu hết các doanh nghiệp đều sử dụng dịch vụ thu gom, dịch vụ vận tải khi hàng hóa đang ở trên lãnh thổ tỉnh Quảng Trị. Tại cửa khẩu quốc tế Lao Bảo hoặc cảng Cửa Việt, dịch vụ Logistics mà các doanh nghiệp sử dụng bao gồm dịch vụ hải quan và dịch vụ bốc xếp hàng hóa.

Nếu xét theo từng công đoạn của chuỗi cung thì tại khâu thu gom, các doanh nghiệp thường sử dụng dịch vụ thu gom và dịch vụ vận tải. Tại công đoạn vận chuyển tiêu thụ (đặc biệt là xuất khẩu), các doanh nghiệp đều sử dụng dịch vụ vận tải, dịch vụ hải quan và dịch vụ bốc xếp hàng hoá.

Theo đánh giá của doanh nghiệp, các dịch vụ Logistics vừa đề cập trên đang đối mặt với một số khó khăn và hạn chế sau đây:

- *Dịch vụ thu gom:* Do quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, phân tán ở nhiều loại địa hình khác nhau nên việc tổ chức thu gom là rất khó khăn. Điều này làm tăng chi phí trung gian và tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến lợi ích của người sản xuất.

- *Dịch vụ vận tải:* Bên cạnh đường giao thông nông thôn có chất lượng kém, dễ sạt lở, lầy lội và ngập úng vào mùa mưa thì có đến 52,3% doanh nghiệp khảo sát thiếu phương tiện thu gom và vận chuyển tiêu thụ, đặc biệt là sản phẩm sản và gỗ rừng trồng khi vào thời kỳ cao điểm.

- *Dịch vụ hải quan:* Bảng 4 cho chúng ta thấy đa số doanh nghiệp cho rằng các thủ tục và quy trình tại cửa khẩu quốc tế Lao Bảo và cảng biển Cửa Việt còn rườm rà và mất nhiều thời gian cho doanh nghiệp để thông quan. Ngoài ra, gần 1/2 doanh nghiệp phản nản về thái độ làm việc của nhân viên hải quan là chưa tích cực và thiếu chuyên nghiệp. (Xem sơ đồ 1)

- *Dịch vụ bốc xếp hàng hóa:* Hàng hóa được vận chuyển ra khỏi tỉnh Quảng Trị chủ yếu thông qua cửa khẩu Lao Bảo và cảng Cửa Việt. Tuy nhiên, số lượng công ty đảm nhận vai trò bốc xếp hàng hóa tại đây còn rất hạn chế, chỉ có 6 doanh nghiệp (tăng 1 doanh nghiệp so với năm 2010). Ngoài ra, công nghệ bốc xếp còn lạc hậu và thiếu đồng bộ nên mất nhiều thời gian cho các doanh nghiệp.

Bảng 4. Đánh giá của doanh nghiệp về thủ tục hải quan

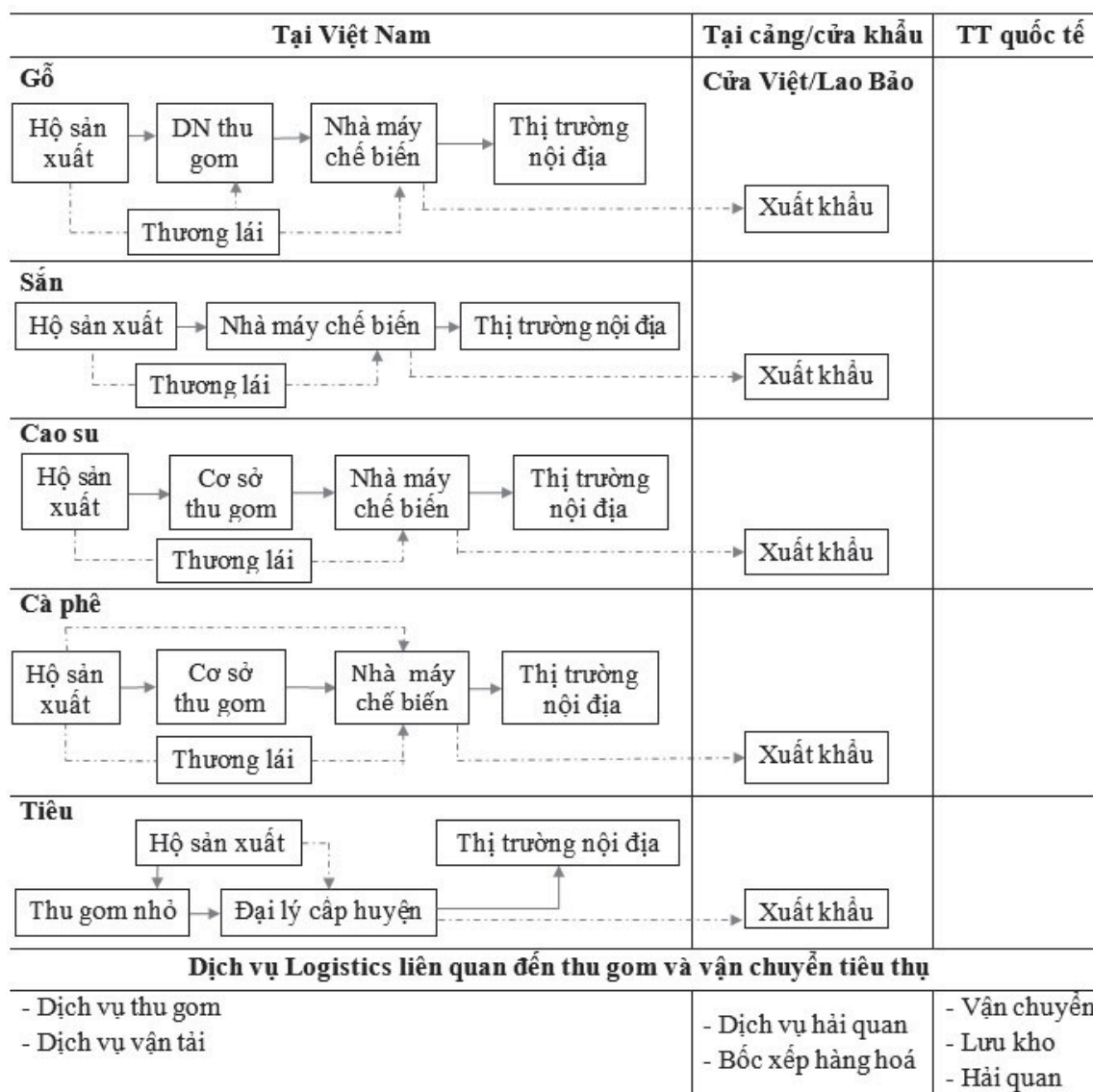
Chỉ tiêu	Số DN đồng ý	Cơ cấu (%)
1. Rườm rà, phức tạp	28	43
2. Có nhiều loại phí	16	24,6
3. Mất nhiều thời gian	35	55,4
4. Thái độ của nhân viên chưa tích cực	18	27,7
5. Tính chuyên nghiệp của nhân viên chưa cao	25	38,5

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát năm 2016)

4. Kết luận và khuyến nghị giải pháp

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, với vị trí thuận lợi của tỉnh Quảng Trị, việc phát triển các dịch vụ Logistics cấp tỉnh sẽ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp và cho địa phương. Trong đó, việc tăng cường đầu tư phát triển 4 dịch vụ Logistics liên quan đến khâu thu gom và vận chuyển tiêu thụ 5 sản phẩm chủ lực sẽ thúc đẩy hiệu quả quá trình sản xuất, lưu thông,

Sơ đồ 1: Chuỗi cung các sản phẩm chủ lực và các dịch vụ Logistics



phân phối, đặc biệt là xuất khẩu hàng hóa; từ đó tạo ra những đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người nông dân.

Để phát triển 4 dịch vụ Logistics liên quan đến quá trình thu gom và vận chuyển tiêu thụ 5 sản phẩm chủ lực tại tỉnh Quảng Trị trong thời gian tới, chính quyền địa phương và doanh nghiệp cần quan tâm đến các giải pháp sau đây:

Giải pháp chung cho phát triển dịch vụ Logistics tại tỉnh Quảng Trị:

- Sớm hoàn thiện khung pháp lý (quy hoạch chi tiết, kế hoạch và chính sách cụ thể) để tạo điều kiện cho sự phát triển các dịch vụ Logistics tại địa phương;

- Phải đảm bảo sự gắn kết giữa quy hoạch phát triển Logistics với quy hoạch phát triển các ngành và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tăng cường đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng cứng (đường sá, cảng biển, kho tàng, bến bãi) và hệ thống cơ sở hạ tầng mềm (e-Logistics) theo hướng đồng bộ và hiện đại là yếu tố then chốt trong việc khai thác có hiệu quả các dịch vụ Logistics.

- Cần nhận thức đúng đắn về vai trò, vị trí của dịch vụ Logistics và phải có các chính sách phù hợp nhằm phát triển nguồn nhân lực Logistics cho địa phương và cho các doanh nghiệp trên địa bàn.

Giải pháp cụ thể cho 4 dịch vụ Logistics đối với khâu thu gom và vận chuyển tiêu thụ 5 hàng hóa chủ lực:

- Về dịch vụ thu gom, cần rà soát và điều chỉnh quy hoạch phát triển các vùng nguyên liệu, tránh tình trạng sản xuất manh mún và nhỏ lẻ. Cần tăng cường huy động các nguồn lực bằng nhiều phương thức khác nhau để đầu tư phát triển hệ thống giao thông nông thôn liên xã, liên thôn và liên vùng nguyên liệu.

- Về dịch vụ vận tải, UBND tỉnh nên tạo điều kiện để các doanh nghiệp tiếp cận được nguồn vốn khuyến công hoặc các nguồn vốn vay ưu đãi để nâng cao năng lực thu gom và vận chuyển. Việc tăng cường liên kết vận chuyển với các doanh nghiệp/hộ kinh doanh vận tải là một giải pháp hữu hiệu mà các doanh nghiệp nên quan tâm.

- Về dịch vụ hải quan, đa số các doanh nghiệp xuất khẩu đều thuê các công ty làm các thủ tục hải quan. Vì vậy, UBND tỉnh cần khuyến khích thành lập các doanh nghiệp địa phương chuyên cung ứng dịch vụ hải quan hoặc thu hút các công ty lớn trong và ngoài nước có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này đến mở văn phòng đại diện.

- Về dịch vụ bốc xếp hàng hóa, hỗ trợ bằng các chính sách ưu đãi để khuyến khích thành lập mới hoặc nâng cao năng lực các doanh nghiệp chuyên cung ứng dịch vụ bốc xếp hàng hóa tại cửa khẩu Lao Bảo, cảng Cửa Việt và cảng Mỹ Thủy ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Cục Thống kê tỉnh Quảng Trị (2016), Niên giám thống kê, Nhà xuất bản Thống kê.
2. Nguyễn Thế Phương (2015), Phát triển dịch vụ Logistics trên tuyến hành lang kinh tế Đông Tây tại Quảng Trị. Luận văn Thạc sỹ khoa học Kinh tế, Trường ĐH Kinh tế Huế.
3. UBND tỉnh Quảng Trị (2014), Đề án Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020.

Ngày nhận bài: 7/7/2017

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 17/7/2017

Ngày chấp nhận đăng bài: 27/7/2017

Thông tin tác giả:

1. TS. NGUYỄN QUANG PHỤC

Giảng viên Khoa Kinh tế và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế

Email: nqphuc@hce.edu.vn

2. LÊ QUANG VĨNH

Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị

Email: lequangvinh@quangtri.gov.vn

SOLUTIONS TO DEVELOP LOGISTICS SERVICES FOR THE COLLECTION AND TRANSPORTATION OF AGRICULTURAL PRODUCTS OF QUANG TRI PROVINCE

● **PhD. NGUYEN QUANG PHUC**

Lecturer, Faculty of Economics and Development Studies
University of Economics, Hue University

● **LE QUANG VINH**

Director, Department of Industry and Trade of Quang Tri Province

ABSTRACT:

The purpose of this study is to promote solutions for the development of Logistics services related to the collection and transportation of main agricultural products in Quang Tri Province. The result indicates that there are four logistics services related to the collection and transportation of main agricultural products, which are collection, transportation, customs and loading. However, these are facing many difficulties such as fragmented and scattered raw material areas, poor infrastructure, cumbersome customs procedures and poor loading capacity. Many solutions are introduced but the early promulgation of a legal framework for Logistics development, reviewing the planning of raw material areas and enhancing the socialization in infrastructure investments are priority solutions.

Keywords: Logistics, collection, transportation, marketing, agricultural products, Quang Tri province.